

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU**

TỈNH GIA LAI

Bản án số: 108/2024/DS-ST

Ngày: 20/9/2024.

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa bà Nguyễn Thị Ngà;
- Các Hội thẩm nhân dân ông Nguyễn Bá Lý và bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
- Thư ký phiên tòa bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (viết tắt: B). Địa chỉ: T, A T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền ông Đặng Văn Q – Người đứng đầu Chi nhánh N2 - Ngân hàng TMCP Đ1 (theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 về việc ủy quyền thường xuyên cho người đứng đầu Chi nhánh, giải quyết tranh chấp phát sinh từ chi nhánh). Địa chỉ: A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người được ủy quyền lại bà Hồ Thị Khánh L, sinh ngày 22/7/1991 – Chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng phòng G thuộc Chi nhánh N2 - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1. Địa chỉ: A P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 774/QĐ-BIDV.NGL ngày 29/5/2024).

- Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H – sinh năm 1981; Địa chỉ: B S, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Hồ Kim T1**, sinh năm 1980;
Địa chỉ: **B S, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bà **Hồ Thị Khánh L** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/15910814/HĐTD ngày 13/07/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15910814/HĐTD ngày 16/02/2023, **Ngân hàng TMCP Đ1** đã cho bà **Trần Thị Ngọc H** vay tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ đồng*); Mục đích: Mua bán kinh doanh nông sản.

Đề bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên bà **Trần Thị Ngọc H** và chồng là ông **Hồ Kim T1** đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/15910814/HĐBĐ ngày 27/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/15910814/HĐBĐ ngày 15/02/2023, gồm:

Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 598405 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G** cấp ngày 04/01/2017; Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 598404 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G** cấp ngày 04/01/2017. Hợp đồng thế chấp tài sản và Văn bản sửa đổi bổ sung đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các hợp đồng tín dụng số 01/2022/15910814/HĐTD ngày 13/07/2022 và hợp đồng tín dụng số 01/2023/15910814/HĐTD ngày 16/02/2023, các khoản vay đã quá hạn. **Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh N2** đã thông báo nợ và mời bà **Trần Thị Ngọc H** đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả. Về phía bà **Trần Thị Ngọc H** có biểu hiện chây ỳ, kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy không còn khả năng tự thương lượng để giải quyết thu hồi nợ, **Ngân hàng TMCP Đ1** khởi kiện ra trước Tòa án để yêu cầu bà **Trần Thị Ngọc H** thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trên cơ sở này, **Ngân hàng TMCP Đ1** kính đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xem xét: Buộc bà **Trần Thị Ngọc H** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ1** (thông qua **Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh N2**, địa chỉ: **A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai**) số tiền tạm tính đến hết ngày 19/9/2024 là: 2.395.354.495 đồng (Trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Lãi vay và phí trả chậm: 395.354.495 đồng và buộc phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ

vay tại Ngân hàng;

Trong trường hợp bà **Trần Thị Ngọc H** không thanh toán dứt điểm ngay toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ, **Ngân hàng TMCP Đ1** đề nghị phát mại toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng bảo đảm tiền vay mà vợ chồng bà **Trần Thị Ngọc H** với ông **Hồ Kim T1** đã ký tại: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/15910814/HĐBĐ ngày 27/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/15910814/HĐBĐ ngày 15/02/2023. Đối với các tài sản bảo đảm khi phát mại mà không đủ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ1** thì bà **Trần Thị Ngọc H** phải dùng các tài sản khác để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.

- Về án phí và chi phí tố tụng, đề nghị bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định cho nguyên đơn đã nộp tạm ứng theo quy định của pháp luật.

Đối với bà **Trần Thị Ngọc H** và ông **Hồ Kim T1** trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, xác định bà **H** và ông **T1** có quan hệ là vợ chồng, tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bất động sản ông **T1** có đăng ký tạm trú tại địa chỉ **số A T, tổ B, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nhưng đến nay ông **T1** và bà **H** đã chuyển về địa chỉ **số B S, tổ D, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai** và cũng là địa chỉ của **Công ty TNHH T2**, bà **Vũ Thị L1** và ông **Nguyễn Trương Đ** đều là nhân viên của Công ty nhận thay toàn bộ các văn bản tố tụng cho bà **Trần Thị Ngọc H** và ông **Hồ Kim T1**. Nhưng bà **H** và ông **T1** không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, tại Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

[1] Về quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1** (Thông qua **Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh N2**) có ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2022/15910814/HĐTD ngày 13/07/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15910814/HĐTD ngày 16/02/2023, cho bà **Trần Thị Ngọc H** vay tổng số tiền gốc 2.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai tỷ đồng*), thời hạn vay là 11 tháng. Như vậy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Đơn khởi kiện của nguyên đơn được làm đúng theo quy định về hình thức và tranh chấp; bị đơn cư trú tại **thành phố P**, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" là đúng theo quy định tại các Điều 26 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2022/15910814/HĐTD ngày 13/07/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15910814/HĐTD ngày 16/02/2023 được ký kết giữa bà **Trần Thị Ngọc H** với **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh N2** là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà **Trần Thị Ngọc H** không trả đầy đủ tiền lãi suất và nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay; tính đến hết ngày 19/9/2024 bà **Trần Thị Ngọc H** còn nợ của **B**, tổng số tiền: 2.395.354.495đ (*bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm chín lăm đồng*) (trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, lãi vay trong hạn + lãi quá hạn: 395.354.495đồng), vì vậy **B** khởi kiện yêu cầu bà **Trần Thị Ngọc H** phải trả nợ gốc, lãi và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/9/2024 theo hai hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bị đơn trả hết nợ gốc là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2021/15910814/HĐBĐ ngày 27/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/15910814/HĐBĐ ngày 15/02/2023, được ký kết giữa bà **Trần Thị Ngọc H** với **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1**, cụ thể gồm những tài sản sau:

Tài sản 1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại **tổ H (nay là tổ C), phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 598404 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp cho ông **Hồ Kim T1** ngày 04/01/2017;

Tài sản 2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại **tổ H (nay là tổ C), phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 598405 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp cho bà **Trần Thị Ngọc H** ngày 04/01/2017.

Việc tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản do sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

và Hợp đồng thế chấp bất động sản đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2021/15910814/HĐBĐ ngày 27/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/15910814/HĐBĐ ngày 15/02/2023 có hiệu lực.

Căn cứ vào Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự: Ngày 15 tháng 7 năm 2024, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác định:

Tài sản 1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại **tổ H (nay là tổ C), phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 28, diện tích 150m² (trong đó: đất ở 50m² và 100m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 598404 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp cho ông **Hồ Kim T1** ngày 04/01/2017 thì hiện trạng phần đất thực tế có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa đất số 142 và 143, có kích thước 30m; Hướng Tây giáp thửa đất số 41, có kích thước 30m; Hướng Nam giáp thửa đất số 57, có kích thước 5,00m; Hướng Bắc giáp đường đất tự mở rộng 6m, có kích thước 5,00m; Diện tích thực tế là: 150m². Không có tài sản trên đất.

Tài sản 2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại **tổ H (nay là tổ C), phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, thửa đất số 142, tờ bản đồ số 28, diện tích 148,4m² đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 598405 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp cho bà **Trần Thị Ngọc H** ngày 04/01/2017 thì hiện trạng phần đất thực tế có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp tờ bản đồ số 29, có kích thước 24m; Hướng Tây giáp thửa đất số 141, có kích thước 24m; Hướng Nam giáp thửa đất số 143, có kích thước 6,25m; Hướng Bắc giáp đường đất tự mở rộng 6m, có kích thước 6,00m; Diện tích thực tế là: 148,4m². Không có tài sản trên đất.

Tại thời điểm Hội đồng thẩm định xem xét thẩm định thì không phát sinh việc tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại gì liên quan đến diện tích đất trên và đất cũng không bị chồng lấn nhau.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi ký kết các hợp đồng với **B**, bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên **B** khởi kiện và yêu cầu xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ cần chấp nhận. Cần buộc bà **Trần Thị Ngọc H** phải thanh toán cho **B**, tổng số tiền: 2.395.354.495đ (*bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm chín lăm đồng*) (trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, lãi vay trong hạn + lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 19/9/2024 là: 395.354.495 đồng).

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 theo hợp đồng tín dụng số:

01/2022/15910814/HĐTD ngày 13/07/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15910814/HĐTD ngày 16/02/2023 cho đến ngày bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** trả hết nợ gốc.

Trường hợp bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** không thanh toán nợ cho **B**, thì **B** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2021/15910814/HĐBĐ ngày 27/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/15910814/HĐBĐ ngày 15/02/2023 được ký kết giữa bà **Trần Thị Ngọc H**, ông **Hồ Kim T1** với **Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh N2**, để thu hồi nợ cho **B**. Nếu các tài sản bảo đảm khi phát mại mà không đủ trả nợ cho **B** thì bà **Trần Thị Ngọc H** phải dùng các tài sản khác để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.

[3] Về án phí dân sự: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 79.907.090 đ (*bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, không trăm chín mươi đồng*) đề sung công. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 15.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười lăm triệu đồng*), bị đơn phải chịu khoản chi phí này, (nguyên đơn đã tạm ứng nộp đủ). Vì vậy buộc bị đơn phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, 94, 95, 147, 156, 157, 158 và khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*);

- Căn cứ Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

- Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1**.

[2]. Buộc bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (thông qua **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh N2**) số tiền vay nợ gốc và tiền lãi suất tạm tính đến hết ngày 19/9/2024, tổng số tiền: 2.395.354.495đ (*bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm chín lăm đồng*), trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, lãi vay trong hạn + lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 19/9/2024 là: 395.354.495 đồng.

Tiếp tục tính tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/15910814/HĐTD ngày 13/07/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2023/15910814/HĐTD ngày 16/02/2023 cho đến ngày bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** trả hết nợ gốc cho **B**.

Trường hợp bị đơn bà **Trần Thị N** không thanh toán nợ cho **B**, thì **B** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2021/15910814/HĐBĐ ngày 27/08/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/15910814/HĐBĐ ngày 15/02/2023 được ký kết giữa bà **Trần Thị Ngọc H**, ông **Hồ Kim T1** với **Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh N2**, để thu hồi nợ cho **B**. Nếu các tài sản bảo đảm khi phát mại mà không đủ trả nợ cho **B** thì bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** phải dùng các tài sản khác để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.

[3] Về án phí dân sự: Buộc bị đơn bà **Trần Thị Ngọc H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 79.907.090đ (*bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, không trăm chín mươi đồng*) để sung công.

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (thông qua **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh N2**) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 38.871.182đ (*bằng chữ: Ba mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, không trăm tám hai đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0001572 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[4]. Buộc bà **Trần Thị Ngọc H** phải trả lại cho **Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh N2**, số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 15.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười lăm triệu đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5]. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (thông qua **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh N2**) có quyền kháng cáo bản án kê từ ngày tuyên án 20/9/2024. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kê từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

[6]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thị N1**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngà

